

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2025

“V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Bà Nguyễn Thị Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 và thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 09/7/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; chỗ ở hiện nay: Số nhà xxx T, phường An, TP Đà Nẵng. (*Có mặt*)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: TDP H, phường Liên Cửu, TP Đà Nẵng. (*Vắng mặt*)

NỘI D V VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đề ngày 01/4/2025, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng (cũ). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Qua gần 10 năm chung sống, giữa vợ chồng ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống của mỗi người khác nhau dẫn đến tình cảm không hòa hợp, nhiều lần cãi vã, không thể sống hạnh phúc với nhau được nữa. Ông T còn nhiều lần xúc phạm bà và gia đình cha mẹ ruột của bà D, thiếu tôn trọng gia đình bà D, khiến cho cuộc sống gia đình ngày càng thêm áp lực trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Hiện nay bà D và ông T sống ly thân. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị D xác nhận có 03 con chung là Nguyễn N Q, sinh ngày 18/9/2017, Nguyễn N 2Ý, sinh ngày 16/02/2020 và Nguyễn N 3, sinh ngày 26/9/2022. Ly hôn bà D xin được nuôi 02 con chung là Nguyễn N Q và Nguyễn N 2 . Giao con chung Nguyễn N 3 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T để biết việc bà Nguyễn Thị D gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến tại thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các thủ tục theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- *Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

+ *Về quan hệ con chung*: Giao 02 con chung là Nguyễn N Q, sinh ngày 18/9/2017 và Nguyễn N 2Ý, sinh ngày 16/02/2020 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn N 3, sinh ngày 26/9/2022 cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại TDP H, phường Liên Cửu, TP Đà Nẵng (xã H1, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng cũ) nên tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T để tham gia phiên tòa, tuy nhiên bị đơn ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội D vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng cũ (số 46 ngày 10/5/2016). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Xét đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống do có mâu thuẫn không tự giải quyết được nên bà D làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T được đoàn tụ cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí níu kéo, hòa giải và mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Theo nội D biên bản xác minh ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng) thì ông T và bà D sau khi kết hôn sống tại thôn H, xã H1, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng cũ. Tuy nhiên hiện nay bà D không còn sống chung với ông T. Hai vợ chồng có 03 con chung, cả 03 con chung đang sống với ông T, giữa vợ chồng ông T hay cãi vã, phát sinh mâu thuẫn nhưng không bạo lực gia đình, không ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương.

Tại phiên tòa, bà D xác nhận giữa bà và ông T sống ly thân từ đầu tháng 9/2024 cho đến nay, hiện nay không còn tình cảm gì, kiên quyết được ly hôn với ông T. Từ những phân tích và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn của bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình tố tụng bà D xác nhận có 03 con chung là Nguyễn N Q, sinh ngày 18/9/2017, Nguyễn N 2Ý, sinh ngày 16/02/2020 và Nguyễn N 3, sinh ngày 26/9/2022. Tại phiên tòa, bà D trình bày mong muốn được nuôi 03 con chung tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin được nuôi 02 con chung là Nguyễn N Q và Nguyễn N 2Ý (do cháu C bị chậm nói, phản xạ ngôn ngữ chậm hơn các bạn bè cùng trang lứa, còn cháu Ý bị suy dinh dưỡng). Giao con chung Nguyễn N 3 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, từ khi bà D và ông T sống ly thân với nhau từ tháng 9/2024, cháu Nguyễn N Q đã sống với bà D, hiện nay cháu Nguyễn N 2Ý cũng được bà D đón về chăm sóc do cháu bị suy dinh dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay các con chung Nguyễn N Q và Nguyễn N 2Ý đang sống ổn định với bà D, cháu Nguyễn N 3 đang sống ổn định với ông T. Để không làm thay đổi môi trường sống của các cháu nên cần tiếp tục giao con chung Nguyễn N Q và Nguyễn N 2Ý cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn N 3 cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Bà D và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” với bị đơn ông Nguyễn Văn T, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn N Q, sinh ngày 18/9/2017 và Nguyễn N 2Ý, sinh ngày 16/02/2020 cho bà Nguyễn Thị D chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn N 3, sinh ngày 26/9/2022 cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008541 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của C cục thi hành án Dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng). Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV4-Đà Nẵng ;
- UBND phường Liên Cểu;
- (số ĐKKH: số 46 ngày 10/5/2016);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Mỹ Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

